

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 13/8/2020  
V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hoa Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Công Hạnh và bà Lê Thị Thanh Thuận

*-Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Ông Trương Đức Cảnh-Kiểm sát viên

Vào ngày 12, 13/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2020/TLST- HNGĐ ngày 01/7/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXX-ST ngày 27/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Duy H, sinh năm 1947  
Địa chỉ: đường 4, phường Đ, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Có mặt*

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Q, sinh năm 1949  
Địa chỉ: đường 4, phường Đ, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Có mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Duy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Duy H và bà Trần Thị Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1971, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông H có quen người đàn bà khác khoảng 06 tháng thì không quen nữa. Từ đó vợ chồng và con cái trong gia đình xảy ra cãi vã và ông H tự ý dọn đồ ra ở nhà riêng. Tuy nhiên các con của ông cứ kiếm chuyện và rình rập. Nay ông không còn tình cảm và yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn

- Về con chung: có 08 con chung và các con đã trưởng thành và đã lập gia đình ổn định nên ông H không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Q trình bày: bà Q và ông H chung sống với nhau từ năm 1971, lúc đó bà được 21 tuổi, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, bản thân bà Q cũng làm tròn bổn phận của một người vợ. Cách đây 06 năm thì ông H đi quen người phụ nữ khác, thì các con bà Q phát hiện và có nói với ông H thì ông H chửi mắng, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ông H tự ý ra ở riêng. Nhưng hàng ngày ông H vẫn đến nhà bà Q để bán cà phê, còn bà Q thì bán bánh canh để trang trải cuộc sống gia đình. Đồng thời giữa bà Q và ông H cũng nói chuyện qua lại. Nay bà Q và ông H đã lớn tuổi và sui gia đầy đủ mà ông H làm đơn ly hôn thì bà không đồng ý.

Về con chung, tài sản chung: thống nhất lời trình bày của nguyên đơn

Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Duy H và bà Đỗ Thị Qu chung sống với nhau từ năm 1971, không có đăng ký kết hôn theo pháp luật. Đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H đi quen người phụ nữ khác nên về nhà bà Q, ông H và các con kinh cãi qua lại thì ông H dọn ra ở nhà riêng. Sự việc này cũng được chính quyền xác nhận tại Biên bản xác minh ngày 24/7/2020 với nội dung “trước đây ông H có chung sống với người phụ nữ khác. Cũng vì vậy mà vợ chồng ông H và bà Q thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau”. Mặc dù ông H và bà Q ở nhà riêng nhưng hàng ngày ông H vẫn đến nhà bà Q bán cà phê để sinh sống, ông H và bà Q cũng thỉnh thoảng nói chuyện. Ông H thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng bà Q không có lỗi, nhưng lỗi ở ông vì ông đi quen người khác nhưng ông H cho rằng chỉ quen qua loa, quen ngoài đường. Tuy nhiên việc làm của ông H đã ảnh hưởng đến đời sống vợ chồng, thuận phong mỹ tục. Ông H cho rằng các con của ông kiểm chuyện gây sự nhưng ông H cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Các con mong muốn ông H, bà Q đoàn tụ. Như vậy khả năng hàn gắn tình cảm vợ

chồng giữa ông H, bà Q vẫn còn. Do đó, Hội đồng xét cần bác đơn ly hôn của ông H để cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững.

[2] Về con chung, tài sản chung: không xem xét

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 85, Điều 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

#### **Tuyên xử:**

-Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Duy H.

-Về con chung, tài sản chung: không xem xét

Về án phí : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn ông Lê Duy H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001521 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi nhận:**

- Người TGTT;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS. TP.T;
- TAND tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Bùi Thị Hoa Dung**

